

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Út E, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp Kinh Đ, xã Đất M, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Minh D, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp Tân An A, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Trần Út E trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:**

Chị E và anh D chung sống năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cự cãi, đã ly thân khoảng 2 tháng nay. Chị E xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh D nên yêu cầu được ly hôn. Chị và anh D có 2 con chung tên Phạm Kim Th, sinh năm 2001 và Phạm Ngọc Tr, sinh năm 2005, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung chị và anh D tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thời gian chung sống chị và anh D không thiếu nợ ai, người khác không ai nợ anh, chị.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh D trình bày:**

Anh thống nhất với trình bày của chị E về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là đúng. Nay chị E yêu cầu được ly hôn anh đồng ý. Về con chung như chị E trình bày là đúng, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Về nợ anh xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị E thấy rằng: Chị E và anh D chung sống không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị E yêu cầu được ly hôn với anh D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị E và anh D không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị E và anh D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung chị E và anh D xác định đã trưởng thành; về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận phân chia; về nợ anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị E phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Út E với anh Phạm Minh D.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Út E phải chịu là 300.000 đồng. Chị Trần Út E đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000913 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị E đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**